

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI  
TOP ONE

-----o0o-----

Số: 1802/2021/TB-TOP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân phối Top One
2. Mã chứng khoán: TOP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 1, thị trấn Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Việt Nam.
4. Điện thoại: 024.6292.8994 Fax: 024.6292.8994
5. Loại thông tin công bố  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ
6. Nội dung của thông tin công bố: Công bố nội dung báo cáo thường niên năm 2020 của công ty cổ phần phân phối Top One
7. Nội dung công bố thông tin được đăng tải vào ngày 18/02/2021 trên website theo đường dẫn: <http://toponejsc.com>

Chúng tôi xin được thông báo tới Quý Cơ quan và cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận

- Như trên;
- Công bố Website công ty;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HỮU KHÁ

Số: ~~1304~~/BC-TOP

Hà Giang, ngày ~~18~~ tháng ~~12~~ năm 2021



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phân phối Top One
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu tiên ngày 11/03/2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 01/06/2020
- Vốn điều lệ: 253.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 253.500.000.000 đồng Bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024 6292 8994
- Số fax: 024 6282 8818
- Website: toponejsc.com
- Mã cổ phiếu: TOP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 03 năm 2013 theo Giấy chứng nhận số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ ban đầu thành lập Công ty là 3 tỷ đồng. Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực phân phối các sản phẩm tiêu dùng, trở thành một trong những nhà phân phối có uy tín. Công ty đã xây dựng được hệ thống phân phối rộng khắp tại Hà nội và các tỉnh phía Bắc. Tháng 07 năm 2015,

Công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán UpCom (mã chứng khoán: TOP) với số vốn điều lệ 39.000.000.000 đồng đã nhận được nhiều sự quan tâm của các cổ đông.

Một số mốc quan trọng của Công ty từ khi thành lập đến nay:

- + Tháng 03/2013, Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng.
- + Giai đoạn 2013-2014, Công ty chủ yếu phân phối sản phẩm trên địa bàn Hà Nội, thông qua các đại lý cấp 2, các cửa hàng bán lẻ.
- + Từ cuối năm 2014, ngoài phân phối sản phẩm trên địa bàn Hà Nội, Công ty bắt đầu phân phối sản phẩm tại Quảng Ninh thông qua đại lý là Công ty TNHH Nhật Linh - Móng Cái.
- + Năm 2015, Công ty tăng vốn điều lệ lên 39.000.000.000 đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính để đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh vào khu công nghiệp Vũng Áng.
- + Năm 2016, Công ty tăng vốn điều lệ lên 253.500.000.000 đồng để mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang Đầu tư và Sản xuất tạo nên chuỗi hoạt động chặt chẽ, giúp Công ty lớn mạnh đủ sức cạnh tranh trên thị trường.
- + Năm 2019, Công ty đã đầu tư vào CTCP Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với số tiền trên 243.200.000.000 đồng và trở thành công ty mẹ sở hữu toàn bộ nền tảng có sẵn của công ty Nam Hà như: Nhà xưởng chế biến thủy sản, sản xuất nước đá, dây chuyền chế biến củ quả, cây xăng, bến phà. Đây là bước chuyển mình sang lĩnh vực nông nghiệp và thủy hải sản với nhiều triển vọng phát triển của Công ty.
- + Năm 2020, Công ty thoái một phần vốn đầu tư tại CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang và tập trung đầu tư vào CTCP Chăn nuôi Hà Giang 1 và CTCP Chăn nuôi Hà Giang 2.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

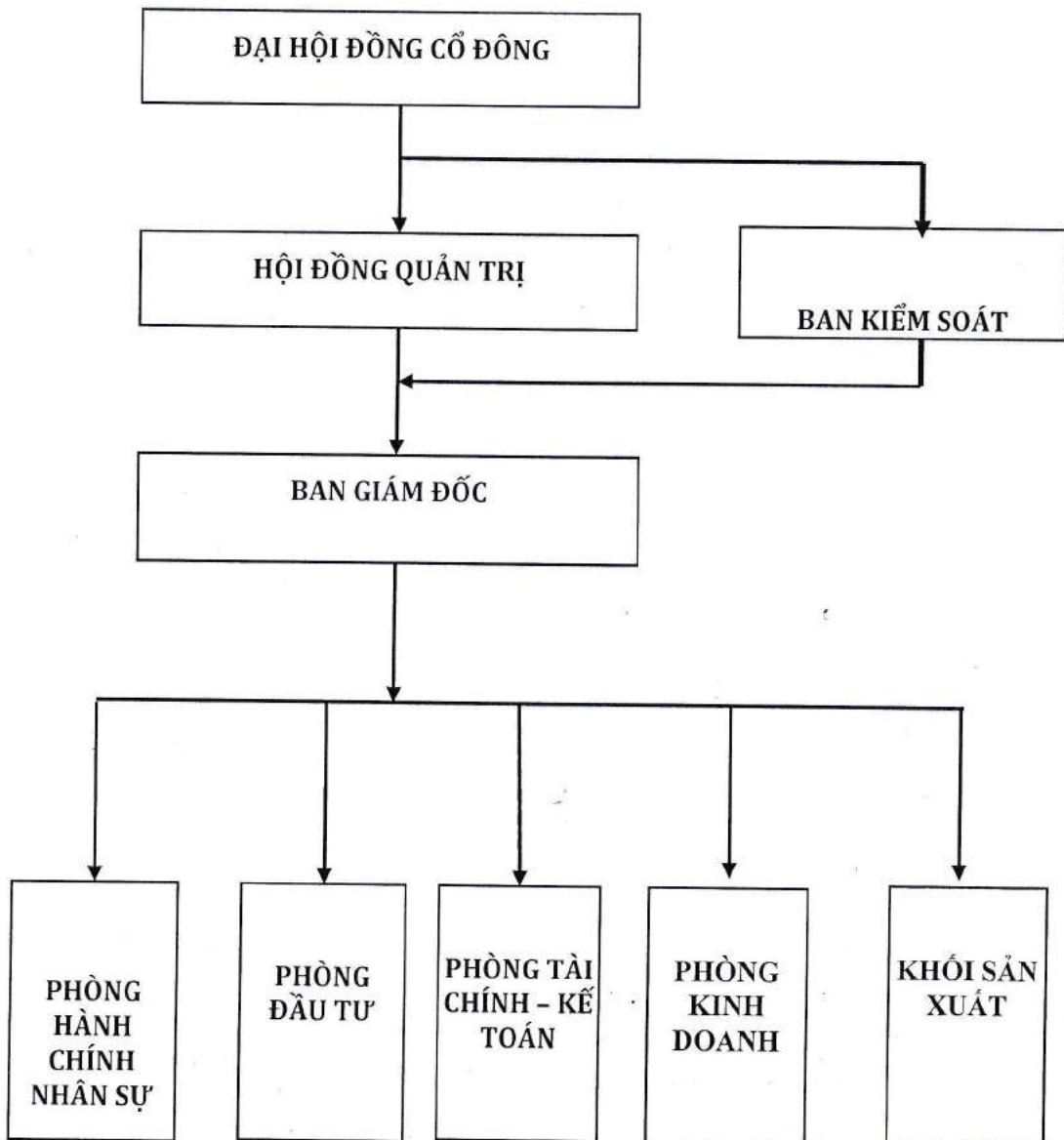
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu tiên ngày 11/03/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01/06/2020, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề, kinh doanh
1	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên danh loại hàng nào	4690 (Chính)
2	Buôn bán đồ uống	4633

3	Buôn bán thực phẩm	4632
4	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
5	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

- Địa bàn kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính tại Hà Giang
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần gồm Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và cuối cùng là các phòng ban thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:



- Diễn giải chức năng, vai trò của bộ máy quản lý và các phòng ban:

### **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

### **Hội đồng quản trị:**

HĐQT là tổ chức quản lý của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT, 02 (hai) thành viên HĐQT với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên:

1. Ông Nguyễn Hữu Khá - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đỗ Xuân Long - Thành viên HĐQT độc lập
3. Bà Nguyễn Thế Trịnh - Thành viên HĐQT điều hành

### **Ban kiểm soát:**

Số lượng thành viên BKS là 03 (ba) thành viên. BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu.

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên

1. Ông Vũ Văn Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát
2. Bà Nguyễn Thị Nhị Hương - Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông Phạm Cao Cường - Thành viên Ban Kiểm soát

### **Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc của công ty gồm có 01 (một) Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- + Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- + Quản lý và điều hành các hoạt động, các công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- + Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- + Tuyển dụng và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- + Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Trong đó chức năng của các phòng ban như sau:

- Phòng Hành chính Tổng hợp:

- a) Công tác đào tạo, tuyển dụng, kỷ luật lao động:

- + Lập kế hoạch đào tạo, tuyển dụng và kỷ luật lao động theo kế hoạch sản xuất hàng năm và theo định hướng phát triển của Công ty.
- + Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ
- + Tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển của Công ty.

- b) Công tác tổ chức, công tác cán bộ:

- + Tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành của bộ máy từ Công ty và các đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, chuẩn bị việc thành lập các hội đồng, ban, đoàn và tổ chức công tác.
- + Nghiên cứu xây dựng, đề xuất, phương án tổ chức sản xuất từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
- + Theo dõi, báo cáo thống kê và phân loại lao động và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện phân loại lao động.
- + Lập kế hoạch sử dụng nhân lực hàng năm.

- c) Công tác Lao động tiền lương và chính sách đối với người lao động:

- + Đề xuất, nghiên cứu chế độ tiền lương, chế độ tiền thưởng áp dụng trong Công ty phù hợp với chế độ chính sách của Công ty và của Nhà nước.
- + Thực hiện chế độ BHXH, Bảo hiểm y tế các chế độ khác về Bảo hiểm đối với người lao động.

- Phòng Tài chính Kế toán:

- + Xây dựng và thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn.
- + Lập dự toán, tổ chức công tác kế toán, báo cáo quyết toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

- + Thực hiện việc chi trả lương, các khoản phụ cấp và các chế độ khác cho CB CNV toàn Công ty.
- + Phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan tổ chức quản lý thực hiện có hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản của Công ty.
- + Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về hoạt động tài chính theo đúng chế độ kế toán.
- + Bảo quản, lưu trữ, các chứng từ kế toán theo quy định.
- Phòng Đầu tư:
  - + Xây dựng và trình duyệt định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của Công ty.
  - + Kiểm tra, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của các đơn vị trực thuộc Công ty.
  - + Chủ trì tổng hợp báo cáo, phân tích đánh giá về công tác đầu tư, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và triển khai các dự án của Công ty, định kỳ hàng tháng/quý/năm theo quy định hiện hành của Pháp luật và của Công ty.
  - + Quản lý, kiểm tra, theo dõi hoạt động đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực đầu tư.
  - + Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.
  - + Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty tổ chức thực hiện các dự án đầu tư sau khi được phê duyệt.
  - + Thẩm định, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua các Dự án đầu tư của Công ty.
- Phòng Kinh doanh:
  - + Giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác kinh doanh các sản phẩm của Công ty.
  - + Thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu doanh số đề ra.
  - + Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khai thác, tìm kiếm khách hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng.
  - + Đề xuất và triển khai các chương trình kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty.
  - + Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh.
  - + Đề xuất các giải pháp nhằm duy trì và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

- + Phối hợp với phòng nhân sự trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân viên phòng kinh doanh.
- Khối sản xuất:
  - + Thực hiện và hoàn thành chức năng sản xuất, tạo ra sản phẩm chính xác về số lượng và chất lượng theo thời gian được yêu cầu.
  - + Tạo ra tiềm lực và lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
  - + Đảm bảo tính hiệu quả trong công việc cung ứng sản phẩm theo yêu cầu đa dạng của khách hàng.

- Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Tổ 1 - Thị trấn Việt Lâm - Huyện Vị Xuyên - Hà Giang	Bán buôn tổng hợp (Trừ những ngành nghề nhà nước cấm), Chế biến thực phẩm.	11.520.000.000	48.00%
2	Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	Thôn Nặm Quăng, Xã Quảng Ngân, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.	17.280.000.000	48.00%
3	Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	Thôn Nặm Quăng, Xã Quảng Ngân, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.	17.280.000.000	48.00%

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Trên cơ sở triển vọng phát triển ngành, Công ty đón đầu cơ hội và có kế hoạch vượt qua thách thức để Xây dựng Công ty Cổ phần Phân phối Top One phát triển một cách



toàn diện, bền vững trở thành Công ty mạnh trong lĩnh vực phân phối. Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự tăng trưởng bền vững.

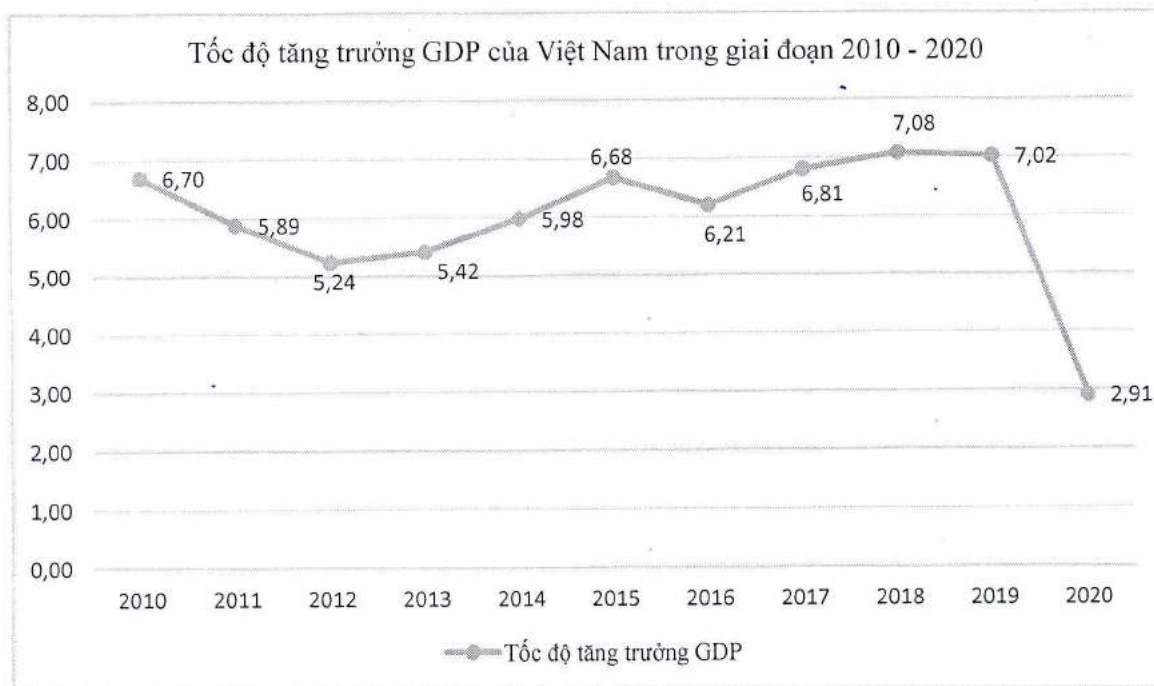
- + Không ngừng áp dụng những tiến bộ khoa học trong quá trình phân phối đồng thời cải tiến từ những mắt xích nhỏ nhất trong bộ máy vận hành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đảm bảo lợi nhuận tăng dần hàng quý, hàng năm.
- + Luôn cố gắng bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; thường xuyên quan tâm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và mức thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty.
- Các chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - + Xây dựng và từng bước phát triển Công ty Cổ phần Phân phối Top One trở thành một doanh nghiệp ổn định, bền vững, một trong những công ty có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong nước.
  - + Xây dựng Công ty Cổ phần Phân phối Top One là Công ty phân phối có uy tín cao trên thị trường, sẽ cung ứng cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng, độ tin cậy cao và đạt tiêu chuẩn.
  - + Liên kết với các công ty có quỹ đất lớn để mở rộng trồng cây dược liệu và chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
  - + Thương hiệu TOP ONE của Công ty từ 2013 tới 2019 đã gắn liền với thương hiệu của một đơn vị phân phối bán lẻ đảm bảo chất lượng, cung ứng đầy đủ, kịp thời, đã được Công ty thực hiện và đặt nền móng, niềm tin với các khách hàng là cá nhân, tổ chức, với phương châm “Phát huy thế mạnh; Chung sức chung lòng; Đổi mới quyết liệt; Tranh thủ thời cơ; Chuyển mình sang lĩnh vực mới từ năm 2020, Công ty khẳng định sẽ giữ vững sự uy tín và luôn nâng cao thương hiệu TOP ONE như đã làm được trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ.
  - + Công ty thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện, các chương trình giáo dục và quyên góp vào các quỹ phúc lợi xã hội, ...khẳng định trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng góp phần vào sự phát triển lâu dài và bền vững của xã hội.

## 5. Các rủi ro

### - Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra rủi ro cho Công ty nói riêng và các chủ thể tham gia kinh tế nói chung.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2020



*Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank*

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bình quân thời kỳ 2010 – 2015 khoảng 5,86%/năm. Tăng trưởng GDP Việt Nam có dấu hiệu chững lại trong nửa đầu năm 2017 do khó khăn của khu vực khai khoáng trước khi phục hồi ngoạn mục vào nửa cuối năm nhờ động lực của khu vực chế biến chế tạo. Mức tăng GDP 2018 vượt mức kế hoạch đề ra, đạt 6,81%. Trong năm 2018, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn tiếp tục sáng sủa nhờ tiêu dùng và đầu tư nội địa tiếp tục tăng cộng thêm dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khả quan. Mức tăng GDP 2018 đạt mức 7,08% cao nhất tính từ năm 2010 đến nay. Năm 2019, mức tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,02% (thực tăng ước tính khoảng 7%).

Trong năm 2020, do hội nhập kinh tế sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch SARS-CoV-2, nhưng cũng thể hiện sức chống chịu đáng kể. Tác động y tế ban đầu của dịch bệnh không nghiêm trọng như nhiều quốc gia khác, nhờ có các biện pháp đối phó chủ động ở cả cấp trung ương và địa phương nên mức tăng trưởng GDP duy trì ở mức dương đạt 2,91%.

Theo dự báo, GDP của Việt Nam trong 05 năm tới sẽ tăng trưởng ở mức 6,3%, nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt bởi hàng loạt yếu tố như trợ giá hàng hóa thấp từ các hiệp định thương mại, lực đẩy từ các doanh nghiệp FDI cùng với các cải cách, đổi mới về thể chế của nền kinh tế.

- *Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty không có khoản vay trung và dài hạn đối với bất kỳ tổ chức tín dụng nào. Vì vậy rủi ro lãi suất của Công ty được đánh giá là không ảnh hưởng nhiều.

- *Rủi ro tỷ giá hối-đoái*

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

- *Rủi ro chính sách và pháp luật*

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản Luật và dưới luật, phổ biến rộng rãi những quy định, văn bản liên quan tới Cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

- *Rủi ro đặc thù*

Công ty hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ nên có những rủi ro về cháy nổ, rủi ro về thất thoát tài sản, rủi ro về tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp. Nhằm hạn chế tối thiểu những rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm phòng chống cháy nổ đối với hàng hoá tồn kho, tài sản và tiền mặt tồn quỹ của công ty. Đối với người lao động, Công ty đã thực hiện việc mua bảo hiểm lao động đầy đủ cho toàn bộ công nhân đang làm việc tại Công ty.

- *Rủi ro khác*

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

Để hạn chế tối đa rủi ro thiệt hại, Công ty thường xuyên tổ chức tập huấn công tác đảm bảo toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ...

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

- **Lĩnh vực phân phối:**

- + Công ty là đại lý cấp 1 phân phối các sản phẩm của Công ty cổ phần nước giải khát Tribeco, Công ty Cà phê Trung Nguyên, Công ty Cổ phần chè Kim Anh, phân phối sản phẩm bánh Leibiniz được nhập khẩu từ Công ty TNHH TM & DV Liên Minh, Mi ăn liền 3 miền, hóa mỹ phẩm của Johnson&Johnson.
- + Trong năm 2020, hoạt động phân phối của Công ty ngày càng khó khăn trong việc phân phối hàng hóa tiêu dùng theo phương thức truyền thống do sự phát triển mạnh mẽ và sự gia tăng của các nhà tổ chức lớn trong và ngoài nước tại lĩnh vực phân phối trên thị trường như Vinmart, Coopmart, Tmart, Big C.... Đồng thời do ảnh hưởng của dịch bệnh SARS-CoV-2, Công ty chủ động thu hẹp dần hoạt động phân phối, chỉ phân phối những mặt hàng ít biến động về giá mặc dù đem lại biên lợi nhuận không cao, và chỉ cung cấp cho một số khách hàng truyền thống thanh toán đúng hạn.
- + Địa bàn phân phối: Mở rộng phân phối toàn miền bắc và trên cả nước, đối với mặt hàng bò Úc, Mỹ công ty thực hiện phân phối tại các đại lý lớn và nhà hàng lớn tại Hà Nội và hệ thống các siêu thị Hệ thống siêu thị Thành Đô, Hệ thống siêu thị T-MAX, Hệ thống siêu thị Lan Chi, Nhật Linh - Móng Cái, Tuấn Linh – Phúc Hải trong khi đó sản phẩm thiết bị y tế, vật liệu xây dựng cung cấp cho các chủ dự án lớn trên thị trường.
- Lĩnh vực đầu tư:
  - + Năm 2020, Công ty đã thoái một phần vốn sở hữu tại CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang và đầu tư vốn vào CTCP Chăn Nuôi Hà Giang 1 và CTCP Chăn nuôi Hà Giang 2 nhằm định hướng chuyển sang lĩnh vực nông lâm, chăn nuôi với nhiều cơ hội phát triển trong những năm tới.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch trong năm 2020:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	24.000.000.000	5.182.612.838	21,6%
2	Vốn điều lệ	253.500.000.000	253.500.000.000	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	500.000.000	(87.956.890.036)	-
4	Lợi nhuận sau thuế	400.000.000	(87.956.890.036)	-
5	Cổ tức	0%	0%	-

*(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)*

Trong năm 2020, tổng doanh thu của Công ty đạt 5,183 tỷ đạt 21,6% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty là -87,957 tỷ không đạt được so với kế hoạch.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên HĐQT độc lập
3	Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên HĐQT điều hành
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	
1	Vũ Văn Hưng	Trưởng BKS
2	Phạm Cao Cường	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên BKS
<b>III</b>	<b>Ban Giám đốc</b>	
1	Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	
1	Bà Đỗ Thị Thanh Xuân	Kế toán trưởng

#### 2.1. Hội đồng quản trị

##### 2.1.1. Ông: Nguyễn Hữu Khá – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam Nơi sinh : Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh : 03/01/1988 Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 001088017114
- Địa chỉ thường trú : Thôn Cộng Hòa, Hữu Hòa, Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty : Chủ tịch HĐQT
- Quá trình công tác
  - + Từ 2011- T3/2019 : Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ sản xuất Hồng Sơn
  - + 4/2019 – nay : Chủ tịch HĐQT – CTCP Phân phối Top One
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
  - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phiếu
- Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Ông Nguyễn Hữu Khá – Chủ tịch HĐQT Công ty với tổng giá trị khoản vay là 7.450.000.000 đồng. Hợp đồng cho vay HĐVCN TOP - NHK 01/2020 ngày 30/06/2020. Số tiền 3.738.000.000 VND, lãi suất 9%/ và Hợp đồng cho vay số HĐVCN TOP - NHK 02/2020 ngày 08/07/2020 số tiền 3.712.000.000 VND, lãi suất 9%.

2.1.2. Ông: Đỗ Xuân Long – Thành viên HĐQT độc lập

- Giới tính : Nam Nơi sinh : Thanh Hóa
- Ngày tháng năm sinh : 21/10/1981 Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 013649272
- Địa chỉ thường trú : Thôn Ninh Cầm, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: : Thành viên HĐQT

- Quá trình công tác
  - + 01/2015-11/2015 : Kinh doanh tự do
  - + 11/2015-12/2014 : Kế toán trưởng- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bình Minh
  - + 11/2015 – nay : Thành viên HĐQT – CTCP Phân phối Top One
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
  - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phiếu
- Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.1.3. Ông: Nguyễn Thế Trịnh – Thành viên HĐQT điều hành

- Giới tính : Nam : Nơi sinh : Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh : 06/08/1978 : Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội : Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 001078003799
- Địa chỉ thường trú : Tổ dân phố Hoà Bình, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện : Giám đốc
- Quá trình công tác
  - + 2004 – 3/2013 : Kinh doanh tự do
  - + 3/2013 – 1/2015 : Thành viên HĐQT – CTCP Phân phối Top One
  - + 1/2015 – 11/2015 : Chủ tịch HĐQT – CTCP Phân phối Top One
  - + 11/2015 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc– CTCP Phân phối Top One

- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
  - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phiếu
- Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

## 2.2. Ban Giám Đốc

Ông: Nguyễn Thế Trịnh – Giám đốc (Chi tiết sơ yếu lý lịch tại mục 2.1.3 Hội đồng quản trị).

## 2.3. Ban Kiểm soát

### 2.3.1. Ông: Vũ Văn Hưng - Trưởng Ban

- Giới tính : Nam Nơi sinh : Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh : 18/06/1978 Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 013463369
- Địa chỉ thường trú : 52 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: : Trưởng BKS
- Quá trình công tác
  - + 2007 – 2009 : Kế toán – Công ty One One Việt Nam
  - + 2009 – 3/2013 : Kế toán – Công ty CP dịch vụ sản xuất Hưng Thủy
  - + 3/2013 – 6/2018 : Thành viên BKS – CTCP Phân phối Top One
  - + 6/2018 – nay : Trưởng BKS – CTCP Phân phối Top One
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
  - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phiếu
- Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### 2.3.2. Ông Phạm Cao Cường – Thành viên

- Giới tính : Nam Nơi sinh : Thái Bình
- Ngày tháng năm sinh : 04/04/1981 Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 034181000489
- Địa chỉ thường trú : Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: : Thành viên BKS
- Quá trình công tác
  - + 2005-2007 Nhân viên kế toán công ty TNHH đầu tư và phát triển
  - + 2007-2/2014 Nhân viên kế toán công ty CP sản xuất và TM Đức Việt
  - + 3/2014-3/2016 Nhân viên kế toán công ty CP phân phối Top One
  - + 4/2016 – nay : Thành viên BKS – CTCP Phân phối Top One
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
  - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phiếu

- Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### 2.3.3. Bà Nguyễn Thị Nhị Hương – Thành viên

- Giới tính : Nữ Nơi sinh : Nam Định
- Ngày tháng năm sinh : 16/08/1984 Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 162511721
- Địa chỉ thường trú : Xóm 7, xã Hải Ninh, Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty : Thành viên BKS
- Quá trình công tác
  - + 2/2009 – 8/2013 : Nhân viên – Công ty CP Cúc Phương
  - + 8/2013 – 8/2014 : Kế toán – Công ty CP Tập đoàn Công nghệ ATT
  - + 8/2014 – nay : Thành viên BKS – CTCP Phân phối Top One
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
  - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phiếu
- Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### 2.4. Kế toán trưởng

Bà: Đỗ Thị Thanh Xuân

- Giới tính : Nữ Nơi sinh : Nam Định
- Ngày tháng năm sinh : 08/11/1989 Dân tộc : Kinh

- Quê quán Nam Định Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 036189006300
- Địa chỉ thường trú : Xuân Thượng, Xuân Trường; Nam Định
- Trình độ chuyên môn :
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: : Kế toán trưởng
- Quá trình công tác
  - + 2010-2012 Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Tư vấn – Đầu tư Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam.
  - + 2012-2015 Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Xuân Tân
  - + 2015-2019 Công ty Cổ phần Winse Việt Nam
  - + 5/2019-3/2020 Nhân viên Kế toán CTCP Phân phối Top One
  - + 3/2020 – Nay : Kế toán trưởng – CTCP Phân phối Top One
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan
  - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 Cổ phiếu
- Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

#### 2.5. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 17/03/2020, căn cứ Nghị quyết số 1703/2020/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị, Công ty có sự thay đổi về mặt nhân sự, thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc đối với Bà Vũ Thị Lan Hương và Ông Vũ Hồng Quang.

#### 2.6. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lượng lao động Công ty đến thời điểm 18/02/2021:

Đơn vị: Người

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Phân theo trình độ học vấn</i>	13	100%
1. Trên Đại học và Đại học	11	85%
2. Cao đẳng, trung cấp	...	...
3. Lao động phổ thông	2	15%
<i>Phân theo giới tính</i>		
1. Lao động nam	9	69%
2. Lao động nữ	4	31%
<b>Tổng</b>		<b>100%</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phân phối Top One)

2.7. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi:

#### *Chính sách tiền lương, thưởng*

Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế mà người lao động thực hiện.

Nguyên tắc phân phối quỹ tiền lương năng suất: Phân phối theo lao động, gắn tiền lương với trách nhiệm công tác, năng suất lao động, hiệu quả lao động của từng người, khuyến khích người có chuyên môn và kỹ thuật cao.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- + Khen thưởng định kỳ theo quý, năm hoặc theo phong trào phát động;
- + Hưởng lương theo năng suất và mức độ hoàn thành công việc;
- + Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;
- + Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm ngày thành lập Công ty.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

#### *Chế độ phúc lợi*

Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được

hường đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn, bảo hiểm nhân thọ....

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- + Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, ưu tiên lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Trong thời gian tới sẽ ưu tiên tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ có kinh nghiệm quản lý dự án phục vụ mục tiêu đầu tư và phát triển Công ty.
- + Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ khác.
  - Đào tạo nhân viên mới: Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
  - Đào tạo tại nơi làm việc: Tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.
  - Đào tạo thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.
  - Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Chính sách khác:

Tổ chức các phong trào văn hóa, thể thao và các buổi dã ngoại để nâng cao tinh thần tập thể và giảm sự căng thẳng từ công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- + Trong năm, Công ty đã thoái một phần vốn tại CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang thông qua việc chuyển nhượng 47% vốn điều lệ cho Ông Nguyễn Xuân Bắc (Hợp đồng số 01/2020/HĐCN-TPHG) tương đương với 1.128.000 CP với giá 32.000 VND/CP.
- + Công ty thực hiện góp vốn vào CTCP Chăn Nuôi Hà Giang 1 và CTCP Chăn nuôi Hà Giang 2 với giá trị là 17.280.000.000 đồng (Chiếm 48% vốn điều lệ của CTCP Chăn Nuôi Hà Giang 1 và CTCP Chăn Nuôi Hà Giang 2).

b) Các công ty con, công ty liên kết :

+ Công ty CP Lâm Nông Sản Thực Phẩm Hà Giang có địa chỉ tại: tổ 1 thị trấn Việt Lâm, huy Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Việt Nam; vốn điều lệ hiện nay là 24.000.000.000 đồng; ngành nghề kinh doanh chính bán buôn tổng hợp; bán buôn đồ uống, bán buôn thực phẩm..... doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt: 9.138.704.052 đồng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020: (1.304.619.436) đồng.

+ Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Hà Giang 2 có địa chỉ tại: thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; vốn điều lệ hiện nay là 36.000.000.000 đồng ; ngành nghề kinh doanh chính là trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu bò....Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt:4.217.095.300 đồng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ 2020 đạt: 415.155.229 đồng.

+ Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1 có địa chỉ tại: Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; vốn điều lệ hiện nay của Công ty là: 36.000.000.000 đồng; ngành nghề kinh doanh chính là ; ngành nghề kinh doanh chính là trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu bò, trồng rừng , chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp...Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt: 10.301.392.334 đồng, lợi nhuận gộp 2020 đạt: 876.971.786 đồng.

4. Tình hình tài chính  
- Tình hình tài chính:

Đơn vị: Đồng

Chỉ Tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	261.517.993.317	170.289.798.518	(34,88%)
Doanh thu thuần	29.797.460.673	5.182.612.838	(82,61%)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	27.051.566	(1.844.815.111)	-
Lợi nhuận khác	(535.342)	(80.038.930)	-
Lợi nhuận trước thuế	(2.753.950.480)	(87.956.890.036)	-
Lợi nhuận sau thuế	(2.753.950.480)	(87.956.890.036)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>			

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,66	1,69
- Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,01	1,69
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	3,63	3,65
- Hệ số nợ/vốn CSH	%	3,77	3,79
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	9,57	2,26
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ)	Lần	0,14	0,02
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-	-
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn đầu tư chủ sở hữu	%	-	-
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế Tổng tài sản	%	-	-
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở

a) Cổ phần:

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	25.350.000
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	25.350.000
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
	<b>Tổng số</b>	<b>25.350.000</b>

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông công ty .../.../2021

	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL thực góp
1	<b>Cổ đông trong nước</b>			
	Cổ đông là tổ chức			
	Cổ đông là cá nhân			
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
	Cổ đông là tổ chức			
	Cổ đông là cá nhân			
<b>Tổng Cộng</b>		<b>25.350.000</b>	253.500.000.000	<b>100%</b>

**Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ:**

	Tên cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL thực góp
1	Không			
2				

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời điểm góp vốn/tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi phát hành (Tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (Tỷ đồng)	Đơn vị cấp phép
03/2013			3	Thành lập Công ty theo GCNĐKKD lần đầu ngày 11/3/2013
02/2015	3	36	39	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/1/2015 thông qua PA phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:12</li> <li>- Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 31/3/2015 thông qua kết quả phát hành.</li> <li>- GCNĐKDN thay đổi lần 4 ngày 23/2/2015</li> </ul>



02/2016	39	58,5	97,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 04/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2015 thông qua PA phát-hành cổ phiếu riêng lẻ.</li> <li>- GCNĐKDN thay đổi lần thứ 6 ngày 10/03/2016</li> </ul>
07/2016	97,5	156	253,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐQT về việc phát hành tăng vốn.</li> <li>- GCNĐKDN thay đổi lần thứ 7 ngày 16/08/2016</li> </ul>

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động phân phối:

Hoạt động phân phối của Công ty ngày càng khó khăn do sự phát triển mạnh mẽ và sự gia tăng của các nhà tổ chức lớn trong và ngoài nước tại lĩnh vực phân phối gia nhập thị trường như Vinmart, Coopmart, Tmart, Big C.... Đây là những tập đoàn lớn nên đầu tư quy mô, chuỗi hệ thống mạng lưới khắp cả nước, quy mô vốn lớn nên có chính sách cạnh tranh đối với nhà cung cấp, do vậy đối với những đơn vị nhỏ như Công ty việc phân phối hàng hóa tiêu dùng theo phương thức truyền thống gặp nhiều khó khăn. Đồng thời trong năm, do dịch SARS-CoV-2 nên hoạt động phân phối của Công ty cũng ảnh hưởng đáng kể. Vì vậy, trong năm Công ty đã chủ động thu hẹp dần hoạt động phân phối, chỉ phân phối những mặt hàng ít biến động về giá mặc dù biên lợi nhuận không cao, và cung cấp cho một số khách hàng truyền thống thanh toán đúng hạn. Song song với đó Công ty dần dịch chuyển hoạt động đầu tư sang dự án trồng cây kết hợp chăn nuôi tại Hà Giang. Trong khi biên lợi nhuận từ hoạt động thương mại trong năm thấp, chi phí quản lý doanh nghiệp và xúc tiến cho dự án mới tăng cao, do vậy trong năm 2020 tổng doanh thu của Công ty đạt 5,182 tỷ đồng đạt 21,6% so với kế hoạch đặt ra. Trong đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt là -87,956 tỷ đồng không đạt kế hoạch đặt ra.

- Hoạt động đầu tư:

Trong năm Công ty thoái một phần vốn tại Công ty CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang và đầu tư vốn vào CTCP Chăn Nuôi Hà Giang 1 và CTCP Chăn nuôi Hà Giang 2 nhằm chuyển hướng sang đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng và chăn nuôi với kỳ vọng những ngành này có nhiều du địa để phát triển trong những năm tới khi các hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới đang được thi hành đặc biệt là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu-EU (EVFTA).

Nhìn chung năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thách thức với Công ty khi gặp nhiều

biến động lớn của thị trường và ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh. Mặc dù chưa đạt được lợi nhuận như kế hoạch đề ra, nhưng Công ty đã phát triển thêm được những hoạt động mới hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển trong thời gian tới.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:
  - + Trong các năm qua, Công ty Cổ phần Phân phối Top One không ngừng đưa ra cách phân phối bán hàng phù hợp với xu thế của thị trường.
  - + Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, hình thức bán hàng, hình thức phân phối qua các trang mạng xã hội để đẩy mạnh doanh số bán hàng.
  - + Nghiên cứu các sản phẩm khách hàng có nhu cầu tiêu dùng cao và tiếp cận với đơn vị sản xuất để trở thành đại lý phân phối cấp 1.
  - + Mở rộng phân phối các mặt hàng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và thiết bị y tế.
  - + Công ty Cổ phần Phân phối Top One xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng theo các tiêu chuẩn quy định là mục tiêu hàng đầu và là điều kiện tiên quyết để Công ty tồn tại và phát triển. Do đó, công tác Công ty đã hoàn thiện chính sách chất lượng theo những chương trình hoạt động cụ thể sau:
    - Không ngừng nâng cao kiểm tra chất lượng sản phẩm cung cấp trước khi bàn giao tới khách hàng.
    - Đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo đội ngũ nhân viên, để nhân viên có đủ năng lực và kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện tốt công việc được giao.
    - Công ty luôn tìm kiếm cơ hội cải tiến chất lượng dịch vụ cung ứng, hướng đến các tiêu chí: an toàn, chính xác và hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

**Biến động tài sản của Công ty**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>% Tăng/giảm</b>
Tài sản ngắn hạn	15.758.677.524	10.567.979.724	(32,94)
Tài sản dài hạn	245.759.315.793	159.721.818.794	(35,01)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>261.517.993.317</b>	<b>170.289.798.518</b>	<b>(34,88)</b>

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

*Đơn vị: Đồng*

STT	Nội dung	31/12/2019	31/12/2020
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ phải trả</b>	<b>9,490,119,763</b>	<b>6,218,815,000</b>
<b>1</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>9,490,119,763</b>	<b>6,218,815,000</b>
	- Phải trả người bán ngắn hạn	2,540,825,632	-
	- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
	- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	751,669,131	13,190,000
	- Phải trả người lao động	-	-
	- Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
	- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
	- Phải trả ngắn hạn khác	6,197,625,000	6,205,625,000
	- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
	- Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
<b>2</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-	-
	- Phải trả người bán dài hạn	-	-
	- Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
	- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong năm, Công ty chủ yếu phân phối với các doanh nghiệp trong nước và không có khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các tổ chức tín dụng nên không bị ảnh hưởng nhiều từ tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Trong năm qua Công ty đã thực hiện kiện toàn được tổ chức bộ máy điều hành, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế làm việc. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và hệ thống lại một cách khoa học về sổ sách và chế độ hạch toán, kế toán qua đó phản ánh kịp thời và chính xác tình hình tài chính của Công ty giúp Ban lãnh đạo đưa ra những quyết sách kịp thời, chính xác.
  - Mã chứng khoán TOP của Công ty giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Do đó, Công ty đã phải thực hiện áp dụng chế độ báo cáo theo quy định và làm tăng tính minh bạch, công bằng trong hoạt động của Công ty.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu chính của Công ty trong năm 2021 là duy trì được sự ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có và lấy đó làm nền tảng căn bản. Về kế hoạch lâu dài của công ty:

- Hoạt động phân phối: Mở rộng thêm ngành hàng có biên lợi nhuận cao, quay vòng nhanh, tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới khách hàng sẵn có đồng thời thu hút những khách hàng mới trên thị trường.
- Liên kết kinh doanh hệ thống phân phối tới các cửa hàng bán lẻ khu vực Hà Nội, các tỉnh miền Bắc và rộng khắp cả nước để giữ vững và mở rộng thị phần trong ngành của Công ty.
- Đầu tư phát triển bền vững đối với vùng nuôi trồng và chăn nuôi tại Hà Giang, đây là ngành được đánh giá có nhiều cơ hội phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán về việc từ chối đưa ra ý kiến của Kiểm toán: Việc đầu tư vào công ty cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Hà Giang do kỳ vọng vào dự án trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng huyện Vị Xuyên nhưng trong quá trình thực hiện dự án gặp nhiều vướng mắc khó khăn, nhận thấy dự còn phải kéo dài trong thời gian tới, hiện nay do tình hình dịch bệnh phức tạp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính công ty trong ngắn hạn không được đảm bảo do đó chúng tôi thực hiện thoái 1 phần vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư sang lĩnh vực khác mang lại hiệu quả cao hơn.

Về tình hình góp vốn vào công ty CP Chăn Nuôi Hà Giang 1 số tiền: 17.280.000.000đ và công ty CP Chăn Nuôi Hà Giang 2 số tiền: 17.280.000.000đ, kiểm toán chưa tiếp cận được đầy đủ các hồ sơ có liên quan do một số hồ sơ của dự án phía hai Công ty đã gửi đến các cơ quan chức năng, ban ngành nhưng vẫn còn vướng mắc về thủ tục.

Về doanh thu và lợi nhuận gộp về bán hàng của công ty năm 2020 sụt giảm so với năm 2019, giá vốn hàng bán trong năm cao hơn so với doanh thu bán hàng trong năm dẫn tới lợi nhuận gộp về bán hàng trong năm của đơn vị bị âm. Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 và do doanh nghiệp chuyển hướng sang lĩnh vực kinh doanh khác nên Công ty đã bán giảm giá toàn bộ số hàng còn lại trong kho dẫn tới giá vốn hàng bán cao hơn so với doanh thu trong năm.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn luôn quan tâm, thực hiện đúng và đầy đủ những quy định pháp luật về việc bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành và sản xuất.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm, Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường chấp hành kỷ luật và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, luôn đảm bảo người lao động nhận được mức lương công bằng và xứng đáng với công sức và sự đóng góp của mình. Ngoài ra, Công ty kết hợp với Công đoàn

quan tâm và chú trọng đến đời sống tinh thần và sức khỏe của người lao động, đảm bảo việc khám sức khỏe đều đặn theo quy định của Công ty.

c) **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Trong năm 2020, Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, quyên góp ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và ủng hộ các vùng bão lụt, vùng biên cương hải đảo. Đồng thời tham gia các chương trình đào tạo, hội khuyến học, ủng hộ xây dựng nhà tình thương giúp nâng cao đời sống cho người dân và góp phần phát triển xã hội văn minh, bền vững.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Hoạt động của Công ty trong năm 2020 đã thực hiện đúng định hướng theo kế hoạch, phù hợp với quan điểm của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong kỳ đại hội trước đó. Các hoạt động được điều hành một cách linh hoạt theo chiều hướng tích cực và ứng phó kịp thời với những rủi ro do yếu tố khách quan mang lại.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Nhìn chung trong năm tài chính 2020, Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Mặc dù không đạt được kế hoạch đặt ra, nhưng vẫn duy trì sự ổn định và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông. Thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ Quy định. Quản lý tài chính chặt chẽ, nộp ngân sách Nhà nước về thuế, BHXH, BHYT và các chế độ đãi ngộ cho người lao động đúng quy định của công ty và pháp luật.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

HĐQT công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.
- Duy trì việc trao đổi tình hình hàng tuần giữa chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất và phát huy các sáng kiến, tưởng của các thành viên cho hoạt động của HĐQT và của Công ty.
- Duy trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý nhằm đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.
- Soạn thảo kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty.

Với những biến động bất ổn của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới cùng ảnh hưởng của dịch SARS-CoV-2, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành công ty để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra cho năm 2020.

**V. Quản trị công ty**

1. **Hội đồng quản trị**

a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu/đại diện	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch HĐQT	0	Không
2	Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên HĐQT độc lập	0	Không
3	Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành Viên HĐQT điều hành	0	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng tinh thần Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan quy định. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đã đề ra và chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty thực hiện theo nội dung Nghị quyết đã thống nhất.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 cuộc họp, ban hành các Biên bản và Nghị quyết làm cơ sở cho Ban Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	1202/2020/NQ-HĐQT	12/02/2020	Nghị quyết thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
2	1703/2020/NQ-HĐQT	17/03/2020	Nghị quyết thông qua Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty và chấm dứt hợp đồng lao động đối với Bà Vũ Thị Lan Hương và Ông Vũ Hồng Quang	100%
3	18.03/2020/QĐHĐQT-TOP	18/03/2020	Nghị quyết thông qua Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và chấm dứt hợp đồng lao động đối với Bà Nguyễn Thị Kim Thành; Bầu thay thế chức vụ Kế toán trưởng đối với	100%

			Bà Đỗ Thị Thanh Xuân	
4	1206/2020/TOP/NQ-HDQT	25/08/2020	Nghị quyết thông việc thoái vốn của Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Nông Lâm Sản Thực phẩm Hà Giang; Việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2	100%
5	3112/2020/TOP/NQ-HDQT	31/12/2020	Nghị quyết thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty hiện nay có 01 thành viên độc lập không điều hành là Ông Đỗ Xuân Long - người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý cũng như điều hành các Công ty cổ phần. Đồng thời, ông cũng có trình độ chuyên môn cao và kiến thức sâu rộng, phong phú trong các lĩnh vực như Đầu tư, Tài chính,.. Trong năm 2020, ông đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược và hoạch định kế hoạch kinh doanh, sản xuất của Công ty.
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khóa học về Quản trị Doanh nghiệp.

## 2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu/đại diện	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát	0	Không
2	Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	0	Không
3	Ông Phạm Cao Cường	Thành viên Ban Kiểm soát	0	Không

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã hợp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ban kiểm soát để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của ban, hợp xây dựng bổ sung kế hoạch hoạt động năm 2020. Hàng tháng, Ban kiểm soát đều tổ chức họp vào cuối tháng để tổng kết các hoạt động trong tháng và đề ra kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát của tháng tiếp theo.

- Sau đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch bổ sung cho kế hoạch hoạt động đầu năm và đã họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát.
  - Ban Kiểm soát đã kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các văn bản, báo cáo định kỳ của các Phòng chuyên môn.
  - Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách pháp luật, chế độ của Nhà nước, các quy định của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc.
  - Phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán TTP giám sát việc thực hiện công tác soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty năm 2020:
- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty năm 2020 được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:
- Trong năm 2020, Công ty phát sinh khoản cho vay đối với Ông Nguyễn Hữu Khá – Chủ tịch HĐQT Công ty với tổng giá trị khoản vay là 7.450.000.000 đồng, nội dung chi tiết như sau:
- Hợp đồng cho vay số HĐVCN TOP - NHK 01/2020 ngày 30/06/2020. Số tiền 3.738.000.000 VND, lãi suất 9%/năm, kỳ hạn 9 tháng (kể từ 30/06/2020 đến 31/03/2021), không có Tài sản đảm bảo.
  - Hợp đồng cho vay số HĐVCN TOP - NHK 02/2020 ngày 08/07/2020. Số tiền 3.712.000.000 VND, lãi suất 9%/năm, kỳ hạn 9 tháng (kể từ 08/07/2020 đến 08/04/2021), không có Tài sản đảm bảo.
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc đã thực hiện quản trị Công ty theo đúng những nội dung đã quy định trong Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

## **VI. Báo cáo tài chính**

4. Ý kiến kiểm toán: Từ chối đưa ra ý kiến
5. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm theo Báo cáo thường niên năm 2020.



Nơi nhận:

- Lưu VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**NGUYỄN HỮU KHÁ**

C. P. ★ S. M.

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
( đã được kiểm toán)

Đ. M.S.D.A. (P) 11

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 – 3
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	4 – 5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26
Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính	27
Phụ lục 02: Tài sản cố định hữu hình	28
Phụ lục 03: Tài sản cố định vô hình	29

H. V. S. D.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần phân phối Top One trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần phân phối Top One được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Khả	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc
----------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần phân phối Top One đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2021

**TM. Ban điều hành**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
**Người đại diện trước pháp luật**



**Nguyễn Hữu Khá**



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 57/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

của Công ty Cổ phần phân phối Top One

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần phân phối Top One**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần phân phối Top One được lập ngày 28 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Theo thuyết minh số 20, trong năm Công ty Cổ phần phân phối Top one chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang cho Ông Nguyễn Xuân Bắc (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2020/HDCN-TPHG) tương đương với 1.128.000 cổ phần với giá 32.000 VND/cổ phần dẫn đến khoản lỗ tài chính đơn vị ghi nhận trong năm là 84.224.376.000 VND. Số lượng cổ phần đơn vị nắm giữ sau khi chuyển nhượng là 1.152.000 cổ phần tương ứng với 48%. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giao dịch chuyển nhượng nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Theo thuyết minh số 4, tại thời điểm 31/12/2020 đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang. Do không có căn cứ xác định giá hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính nên giá hợp lý của khoản đầu tư vào công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang được tạm xác định theo giá giao dịch chuyển nhượng gần nhất là 32.000VND/CP. Do vậy, giá trị khoản đầu tư cần phải trích dự phòng giảm giá là: 86.016.000.000 VND.

Công ty sử dụng 48,47% vốn điều lệ của mình để đầu tư vào Công ty cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, do kỳ vọng vào dự án Trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng tại huyện Vị



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>10.567.979.724</b>	<b>15.758.677.524</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.108.886.661</b>	<b>465.661.171</b>
111	1. Tiền		2.108.886.661	465.661.171
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>8.427.090.487</b>	<b>9.018.769.028</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	937.090.487	8.346.244.028
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	40.000.000	597.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.a	7.450.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	-	75.025.000
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	-	<b>6.221.942.149</b>
141	1. Hàng tồn kho		-	6.221.942.149
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>32.002.576</b>	<b>52.305.176</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.a	12.030.475	34.445.336
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.112.261	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	17.859.840	17.859.840
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>159.721.818.794</b>	<b>245.759.315.793</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.179.592.939</b>	<b>2.441.804.399</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	753.991.157	954.672.977
222	- Nguyên giá		1.539.545.455	1.539.545.455
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(785.554.298)	(584.872.478)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.425.601.782	1.487.131.422
228	- Nguyên giá		1.661.300.000	1.661.300.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(235.698.218)	(174.168.578)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>157.439.624.000</b>	<b>243.200.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	243.200.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		157.439.624.000	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>102.601.855</b>	<b>117.511.394</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12.b	102.601.855	117.511.394
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>170.289.798.518</b>	<b>261.517.993.317</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
 (Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.218.815.000</b>	<b>9.490.119.763</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.218.815.000</b>	<b>9.490.119.763</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	-	2.540.825.632
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	13.190.000	751.669.131
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	6.205.625.000	6.197.625.000
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>164.070.983.518</b>	<b>252.027.873.554</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>164.070.983.518</b>	<b>252.027.873.554</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		253.500.000.000	253.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		253.500.000.000	253.500.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(89.429.016.482)	(1.472.126.446)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(1.472.126.446)	1.281.824.034
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(87.956.890.036)	(2.753.950.480)
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>170.289.798.518</b>	<b>261.517.993.317</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Xuân

Hà Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2021  
 Chủ tịch HĐQT




Nguyễn Hữu Khá

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	5.182.612.838	29.797.460.673
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		5.182.612.838	29.797.460.673
11	4. Giá vốn hàng bán	18	7.027.427.949	29.770.409.107
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		(1.844.815.111)	27.051.566
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	332.569.620	253.306.934
22	7. Chi phí tài chính	20	84.224.433.000	26.250.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	26.250.000
24	8. Chi phí bán hàng	21	577.820.000	1.117.612.500
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	1.562.352.615	1.889.911.138
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		(87.876.851.106)	(2.753.415.138)
31	11. Thu nhập khác		1.712	154
32	12. Chi phí khác	23	80.040.642	535.496
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(80.038.930)	(535.342)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(87.956.890.036)	(2.753.950.480)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(87.956.890.036)	(2.753.950.480)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(3.470)	(109)

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Xuân

Hà Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hữu Khá

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**Phương pháp gián tiếp**  
**Năm 2020**

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(87.956.890.036)</b>	<b>(2.753.950.480)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>84.154.017.840</b>	<b>35.154.526</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	262.211.460	262.211.460
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	83.891.806.380	(253.306.934)
06	- Chi phí lãi vay	-	26.250.000
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(3.802.872.196)</b>	<b>(2.718.795.954)</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	8.039.566.280	257.323.018
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	6.221.942.149	9.106.610.451
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(3.271.304.763)	(1.566.074.976)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	37.324.400	60.996.940
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	(26.250.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(31.695.392)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.224.655.870</b>	<b>5.082.114.087</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(7.450.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	158.218.832.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(34.560.000.000)	(228.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36.096.000.000	49.480.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	332.569.620	253.306.934
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(5.581.430.380)</b>	<b>(20.047.861.066)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	4.700.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(4.700.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>1.643.225.490</b>	<b>(14.965.746.979)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>465.661.171</b>	<b>15.431.408.150</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>2.108.886.661</b>	<b>465.661.171</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Xuân

Hà Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hữu Khá

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần phân phối Top One được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 253.500.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.), tương đương 25.350.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số cán bộ công nhân viên: 14 người

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là: Bán buôn tổng hợp.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### **Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### **2.6. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng  | 03 - 05 năm |

## **2.9. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2.12. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.14. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### *a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

##### *c. Ưu đãi thuế*

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

##### *d. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### **2.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



### **2.17. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	2.103.946.513	14.701.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.940.148	450.959.651
- Tiền gửi VND	4.940.148	450.959.651
<b>Cộng</b>	<b>2.108.886.661</b>	<b>465.661.171</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Chi tiết tại phụ lục số 01:

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Truyền Thông Ngô Quyền Hà Nội	-	1.742.672.351
Công ty cổ phần XNK Đức Bảo	-	1.702.623.076
Công ty TNHH EVIE	-	1.974.401.798
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	-	896.648.731
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	392.201.487	1.408.592.922
Công Ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Và Dịch Vụ Tam Hùng	201.601.000	-
Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Âm Thực Lâm Hương	202.783.000	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thư Lâm	140.505.000	-
Khác		621.305.150
<b>Cộng</b>	<b>937.090.487</b>	<b>8.346.244.028</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam	-	500.000.000
Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam	-	97.500.000
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	40.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán TTP	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>597.500.000</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Nguyễn Hữu Khá (*)	7.450.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.450.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp)**

(\*) Chi tiết các khoản cho vay của ông Nguyễn Hữu Khá:

- Hợp đồng cho vay số HĐVCN TOP - NHK 01/2020 ngày 30/06/2020. Số tiền 3.738.000.000 VND, lãi suất 9%/ năm, kỳ hạn 9 tháng (kể từ 30/06/2020 đến 31/03/2021), không có Tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng cho vay số HĐVCN TOP - NHK 02/2020 ngày 08/07/2020. Số tiền 3.712.000.000 VND, lãi suất 9%/ năm, kỳ hạn 9 tháng (kể từ 08/07/2020 đến 08/04/2021), không có Tài sản đảm bảo.

**b. Phải thu về cho vay bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyễn Hữu Khá - Chủ tịch HĐQT (**)	7.450.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.450.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*\*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1404/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần phân phối Top One ngày 14/04/2020, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua tờ trình số 08/2020/TTr-HĐQT-TOP ngày 01/04/2020 về việc ủy quyền Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó: ĐHĐCĐ chấp thuận việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các giao dịch của Công ty với cá nhân, tổ chức có liên quan (trong trường hợp công ty có khoản tiền nhân dãi chưa sử dụng đến thì ưu tiên cho HĐQT vay với lãi suất cho vay không được thấp hơn lãi suất cùng kỳ của ngân hàng Vietcombank ở thời điểm cho vay) và theo đúng quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐCP ngày 6/6/2016 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	-	-	75.025.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	75.025.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>75.025.000</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	-	-	6.221.942.149	-
	-	-	6.221.942.149	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiết phụ lục số 02

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chi tiết phụ lục số 03

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a. Ngắn hạn**

- Chi phí cải tạo văn phòng

**Cộng**

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
VND	VND

12.030.475	34.445.336
------------	------------

<b>12.030.475</b>	<b>34.445.336</b>
-------------------	-------------------

**b. Dài hạn**

- Công cụ dụng cụ

- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ

**Cộng**

102.601.855	117.511.394
-------------	-------------

<b>102.601.855</b>	<b>117.511.394</b>
--------------------	--------------------

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty cổ phần dịch vụ Top One

Công ty TNHH DV Nam Vũ

**Cộng**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
	-	-	2.141.386.163	2.141.386.163
	-	-	399.439.469	399.439.469
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.540.825.632</b>	<b>2.540.825.632</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		692.479.131	60.649.336	886.605.411		0
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.859.840	-	-	-	17.859.840	-
Thuế Thu nhập cá nhân		59.190.000	26.810.000	72.810.000		13.190.000
Các loại thuế khác		-	3.000.000	3.000.000		-
Phí, lệ phí và các			40.488.524	40.488.524		-
<b>Cộng</b>	<b>17.859.840</b>	<b>751.669.131</b>	<b>130.947.860</b>	<b>1.002.903.935</b>	<b>17.859.840</b>	<b>13.190.000</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội	6.375.000	-
Bảo hiểm y tế	1.125.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	500.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	6.197.625.000	6.197.625.000
<b>Cộng</b>	<b>6.205.625.000</b>	<b>6.197.625.000</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>253.500.000.000</b>		<b>1.281.824.034</b>	<b>254.781.824.034</b>
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi/ (lỗ) trong năm trước			(2.753.950.480)	(2.753.950.480)
Phân phối lợi nhuận				-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>253.500.000.000</b>	-	<b>(1.472.126.446)</b>	<b>252.027.873.554</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>253.500.000.000</b>	-	<b>(1.472.126.446)</b>	<b>252.027.873.554</b>
Lãi/ (lỗ) trong năm nay			(87.956.890.036)	(87.956.890.036)
Phân phối lợi nhuận				-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>253.500.000.000</b>	-	<b>(89.429.016.482)</b>	<b>164.070.983.518</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Các cổ đông khác	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%
	<b>253.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>- Vốn góp cuối năm</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>253.500.000.000</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)**

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.350.000	25.350.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.350.000	25.350.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	5.182.612.838	29.797.460.673
<b>Cộng</b>	<b>5.182.612.838</b>	<b>29.797.460.673</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn hàng hóa đã bán	7.027.427.949	29.770.409.107
<b>Cộng</b>	<b>7.027.427.949</b>	<b>29.770.409.107</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	332.569.620	253.306.934
<b>Cộng</b>	<b>332.569.620</b>	<b>253.306.934</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	-	26.250.000
- Bán cổ phần (*)	84.224.376.000	-
- Khác	57.000	-
<b>Cộng</b>	<b>84.224.433.000</b>	<b>26.250.000</b>

(\*) Theo Nghị quyết HĐQT số 1206/2020/TOP-NQ-HĐQT ngày 12/06/2020 về việc thoái một phần vốn của Công ty CP Lâm Nông sản Thực Phẩm Hà Giang. Công ty CP phân phối Top one chuyển nhượng 47% vốn điều lệ cho Ông Nguyễn Xuân Bắc (Hợp đồng số 01/2020/HĐCN-TPHG) tương đương với 1.128.000 CP với giá 32.000 VND/CP.

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	750.000	1.800.000
- Chi phí nhân công	577.070.000	1.115.812.500
<b>Cộng</b>	<b>577.820.000</b>	<b>1.117.612.500</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	252.962.219	288.943.668
- Chi phí nhân công	595.399.000	554.181.503
- Chi phí khấu hao	262.211.460	262.211.460
- Thuế, phí, lệ phí	7.224.364	3.535.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.840.154	555.390.113
- Chi phí khác bằng tiền	17.715.418	225.648.898
<b>Cộng</b>	<b>1.562.352.615</b>	<b>1.889.911.138</b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	80.040.642	
- Khác	-	535.496
<b>Cộng</b>	<b>80.040.642</b>	<b>535.496</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(87.956.890.036)	(2.753.950.480)
Các khoản điều chỉnh tăng	80.040.642	-
- Chi phí không hợp lệ	80.040.642	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(87.876.849.394)	(2.753.950.480)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN phát sinh từ hoạt động SXKD chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(87.956.890.036)	(2.753.950.480)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(87.956.890.036)	(2.753.950.480)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	25.350.000	25.350.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.470)</b>	<b>(109)</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	7.281.140.168	20.663.798.656
- Chi phí nhân công	1.172.469.000	1.669.994.003
- Chi phí khấu hao	262.211.460	262.211.460
- Thuế, phí, lệ phí	7.224.364	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.840.154	555.390.113
- Chi phí khác bằng tiền	17.715.418	519.928.062
<b>Cộng</b>	<b>9.167.600.564</b>	<b>23.671.322.294</b>

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.108.886.661	-	465.661.171	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	937.090.487	-	8.421.269.028	-
Các khoản cho vay	7.450.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.495.977.148</b>	<b>-</b>	<b>8.886.930.199</b>	<b>-</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	6.205.625.000	8.738.450.632
<b>Cộng</b>	<b>6.205.625.000</b>	<b>8.738.450.632</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.108.886.661			2.108.886.661
Phải thu khách hàng, phải thu khác	937.090.487	-		937.090.487
Các khoản cho vay	7.450.000.000	-		7.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.495.977.148</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.495.977.148</b>

**Số đầu năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền	465.661.171		465.661.171
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.421.269.028	-	8.421.269.028
Các khoản cho vay	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.886.930.199</b>	<b>-</b>	<b>8.886.930.199</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	6.205.625.000	-	-	6.205.625.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.205.625.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.205.625.000</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	8.738.450.632	-	-	8.738.450.632
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.738.450.632</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.738.450.632</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)  
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	5.182.612.838		-	5.182.612.838
Chi phí bộ phận	7.027.427.949		-	7.027.427.949
<b>Kết quả kinh doanh bộ</b>	<b>(1.844.815.111)</b>	-	-	<b>(1.844.815.111)</b>
<b>Các chi phí không phân bổ</b>				<b>2.140.172.615</b>
<b>theo bộ phận</b>				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(3.984.987.726)
Doanh thu hoạt động tài chính				332.569.620
Chi phí tài chính				84.224.433.000
Thu nhập khác				1.712
Chi phí khác				80.040.642
Thuế TNDN hiện hành				-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>(87.956.890.036)</b>

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

### a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc	Quản lý chủ chốt

### b. Giao dịch với bên liên quan

#### - Thù lao hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc

	Năm nay
	VND
Thù lao hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc	373.032.000

#### - Giao dịch phát sinh trong năm

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cho vay:		
Ông Nguyễn Hữu Khá	7.450.000.000	-

**30. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp)**

- Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn:</b>		
Ông Nguyễn Hữu Khá	7.450.000.000	-

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán.

Người lập biểu



**Đỗ Thị Thanh Xuân**

Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Thanh Xuân**

Hà Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



**Nguyễn Hữu Khá**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 01:

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>	-	-	-	243.200.000.000
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	-	-	-	243.200.000.000 (*)
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết</b>	157.439.624.000	-	-	-
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	122.879.624.000 (*)	-	-	-
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	17.280.000.000 (*)	-	-	-
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	17.280.000.000 (*)	-	-	-

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Thông tin chi tiết về các công ty con của công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:**

Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Tổ 1 - Thị trấn Việt Lâm - Huyện Vị Xuyên - Hà Giang	48,00%	48,00%	Bán buôn tổng hợp (Trừ những ngành nghề nhà nước cấm), Chế biến thực phẩm.
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	Thôn Nặm Quăng, Xã Quăng Ngần, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	Thôn Nặm Quăng - Xã Quăng Ngần - Huyện Vị Xuyên - Hà Giang.	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE****Thuyết minh báo cáo tài chính**

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Phụ lục số 02****10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số đầu năm</b>			1.500.000.000	39.545.455		1.539.545.455
- Mua trong năm						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
<b>Số cuối năm</b>			1.500.000.000	39.545.455		1.539.545.455
<b>Giá trị hao mòn</b>						
<b>Số đầu năm</b>			562.500.000	22.372.478		584.872.478
- Khấu hao trong năm			187.500.000	13.181.820		200.681.820
- Thanh lý nhượng bán						-
- Giảm khác						-
<b>Số cuối năm</b>			750.000.000	35.554.298		785.554.298
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm			937.500.000	17.172.977		954.672.977
Tại ngày cuối năm			750.000.000	3.991.157		753.991.157

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 03:

Đơn vị tính: VND

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản vô hình	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số đầu năm</b>	1.661.300.000			1.661.300.000
- Mua trong năm				-
- Giảm khác				-
<b>Số cuối năm</b>	1.661.300.000	-	-	1.661.300.000
<b>Giá trị hao mòn</b>				
<b>Số đầu năm</b>	174.168.578			174.168.578
- Khấu hao trong năm	61.529.640			61.529.640
- Giảm khác				-
<b>Số cuối năm</b>	235.698.218	-	-	235.698.218
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	1.487.131.422	-	-	1.487.131.422
<b>Tại ngày cuối năm</b>	1.425.601.782	-	-	1.425.601.782

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND